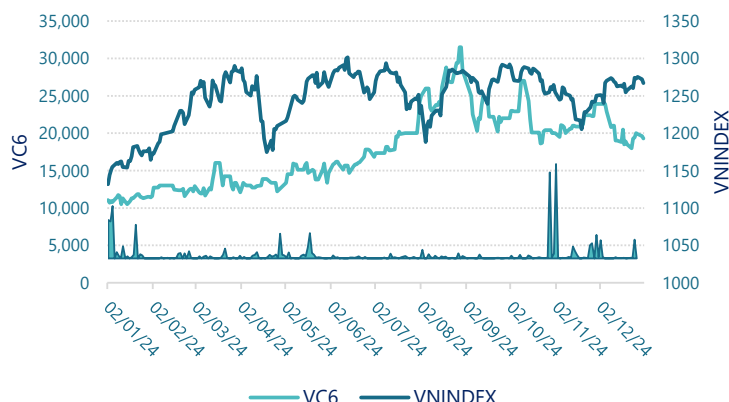


CTCP Xây dựng và Đầu tư Visicons (HNX: VC6)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	19,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	31,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,507
SL cổ phiếu LH	9,679,686
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,245
% sở hữu nước ngoài	10.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	187
P/E	7.7
EPS	2,492

DT thuần

Q4/24

437

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 205 | 88.4%

YoY: ▲ 17.0 | 4.1%

LN sau thuế

Q4/24

3.44

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 1.83 | -34.7%

YoY: ▼ 6.39 | -65.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

2.6%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

2024

1,647

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 364 | 28.4%

LN sau thuế

2024

24.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8.30 | 52.8%

ROE

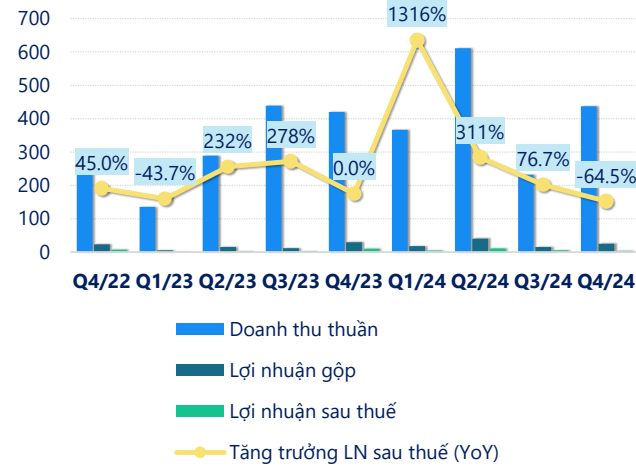
2024

16.0%

+/- YoY: ▲ 4.5%

tỷ VNĐ

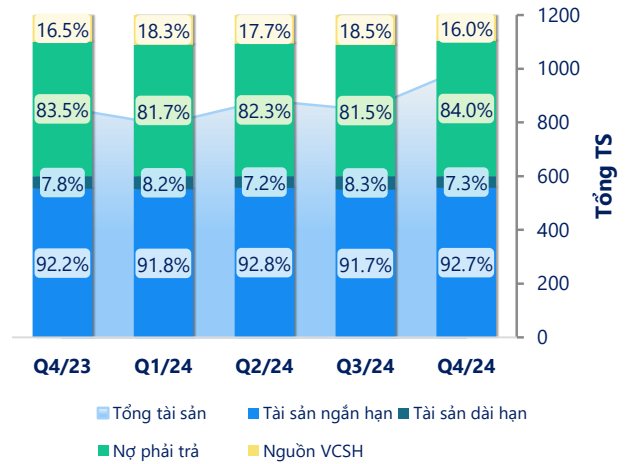
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

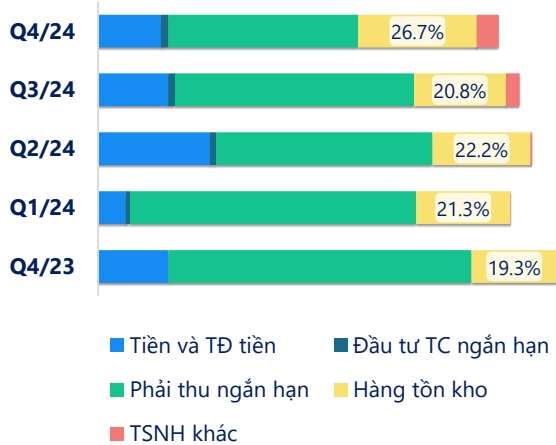
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



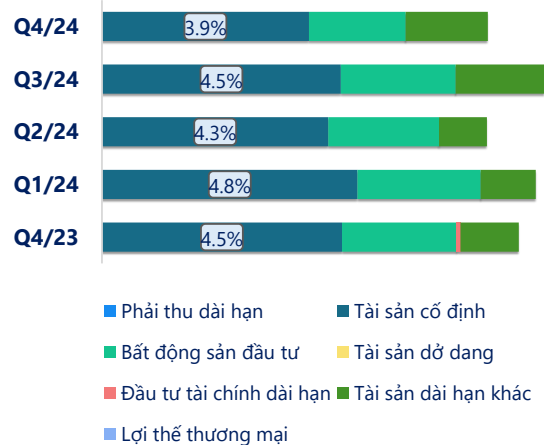
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

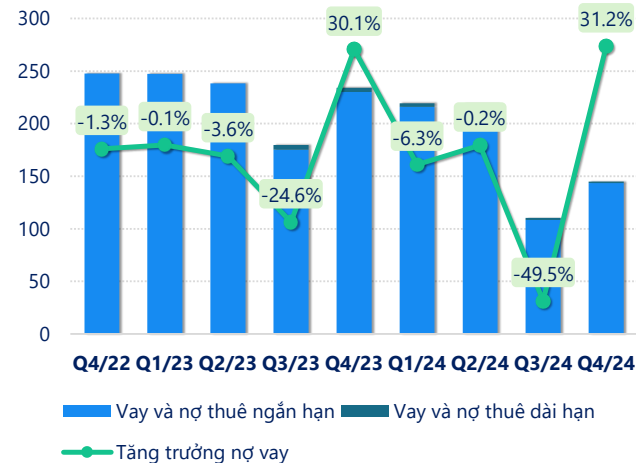
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

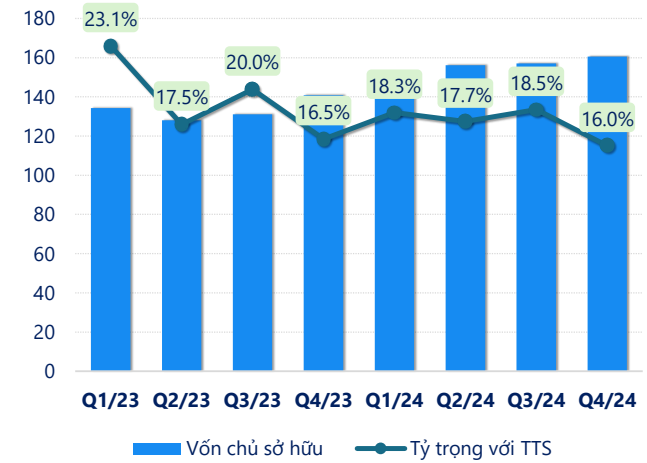
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

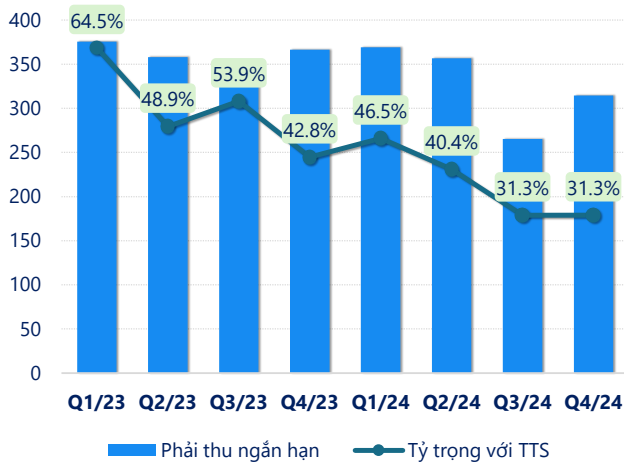
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



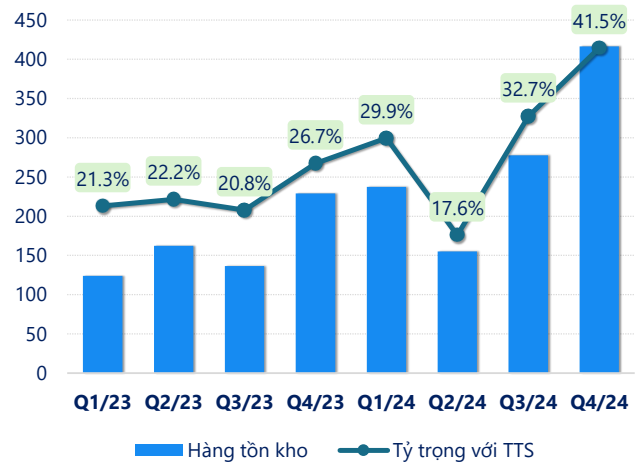
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


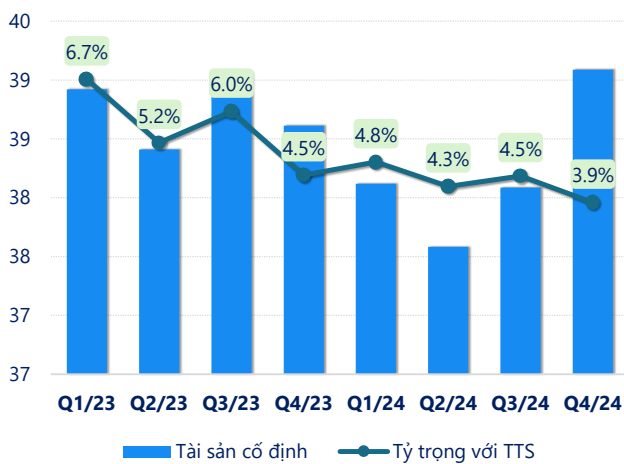
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


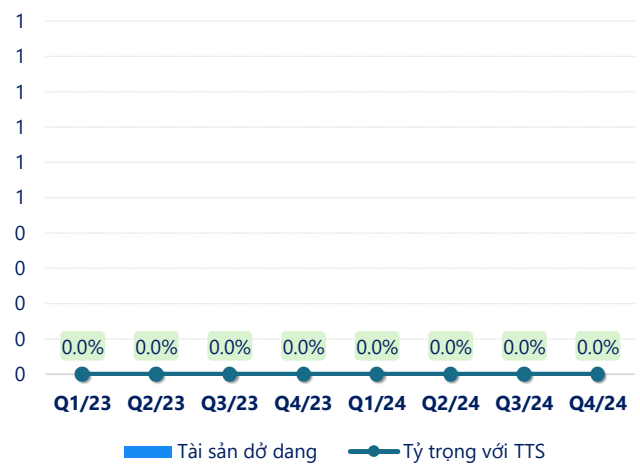
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

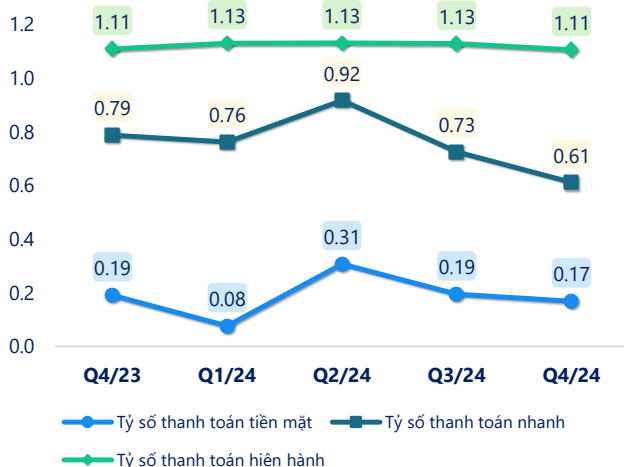
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

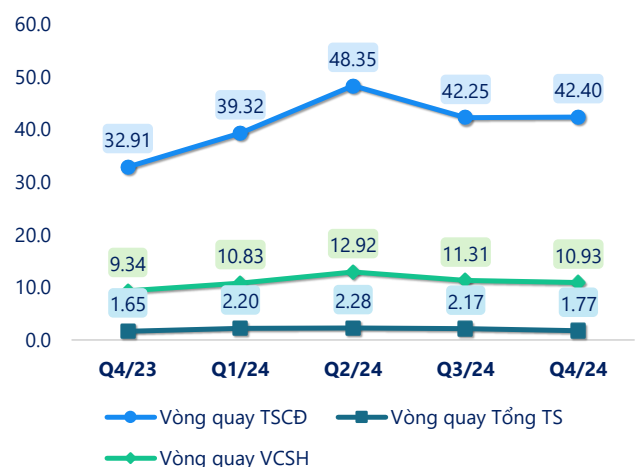
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	856	793	883	847	1,004
Tài sản ngắn hạn	789	728	819	777	932
Tiền và tương đương tiền	136	49.3	222	134	142
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.1	15.1	15.1	15.1	15.1
Phải thu ngắn hạn	366	369	357	265	315
Hàng tồn kho	229	237	155	277	416
Tài sản ngắn hạn khác	42.6	57.3	69.5	85.1	43.5
Tài sản dài hạn	67.1	64.7	63.9	70.5	72.9
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	38.6	38.1	37.6	38.1	39.1
Bất động sản đầu tư	18.4	18.4	18.3	18.3	18.3
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0.68	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	9.39	8.20	8.00	14.1	15.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	715	648	726	690	844
Nợ ngắn hạn	711	644	724	688	843
Vay và nợ thuê ngắn hạn	230	216	216	108	143
Phải trả người bán ngắn hạn	360	245	335	316	433
Nợ dài hạn	3.91	3.28	2.66	2.03	1.41
Vay và nợ thuê dài hạn	3.91	3.28	2.66	2.03	1.41
Nguồn vốn chủ sở hữu	141	145	156	157	161
Vốn chủ sở hữu	141	145	156	157	161
Vốn điều lệ	88.0	88.0	88.0	96.8	96.8
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)